

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/DS-ST  
Ny: 02-4-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Đẹp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Đoàn.

Bà Nguyễn Thị Hồng Thùy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Quang Khải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh G, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện H, tỉnh Long An (có mặt);

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Kim N, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp H, xã LT, huyện C, tỉnh Long An (có mặt);

- *Người làm chứng:* Cháu Nguyễn Đỗ Anh Kh, sinh Ny 12/10/2009 (có mặt);

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Đỗ Anh Kh: Bà Đỗ Thị Kim N, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 20 tháng 10 năm 2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Quỳnh G trình bày:*

Bà và bà Đỗ Thị Kim N có quan hệ làm ăn mua bán với nhau, bà giao hàng bánh snack cho bà N để bà N bán trong căn tin trường học. Quá trình làm ăn nên bà tin tưởng bà N và khi bà N nói muốn vay tiền để lấy vốn làm ăn buôn bán ở trường

với lại mẹ bà N bị bệnh cần tiền phẫu thuật nên bà đã cho bà N vay số tiền 250.000.000 đồng, không có tính lãi, do bà N còn nợ bà số tiền giao bán là 3.800.000 đồng nên bà N viết giấy vay bà tổng số tiền là 253.800.000 đồng, không có tính lãi, bà N hứa sẽ thanh toán cho bà một nửa số tiền vào cuối tháng 6 âm lịch năm 2023 và sẽ trả số tiền còn lại vào giữa tháng 10 âm lịch năm 2023, nội dung thỏa thuận thể hiện trong “giấy mượn tiền Ny 17/4/2023”. Một khoảng thời gian sau thì bà N có trả cho bà số tiền là 8.000.000 đồng. Đến hạn thanh toán, bà nhiều lần yêu cầu bà N trả nợ nhưng bà N không trả nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N phải thanh toán cho bà số tiền còn nợ là 245.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*Quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn là bà Đỗ Thị Kim N trình bày:* Vào năm 2019, bà có vay của bà G hai dây tiền góp, mỗi dây là 5.000.000 đồng, sau thời gian góp thì bà G dồn lại thành một dây là 10.000.000 đồng, đến Ny 18/4/2019 bà G cho vay thêm số tiền là 10.000.000 đồng, tổng cộng bà vay bà G số tiền là 20.000.000 đồng và đến đây thì không góp nữa mà mỗi tháng đóng tiền lãi cho bà G là 4.000.000 đồng. Đến khoảng năm 2019-2020 thì bà đã trả cho bà G số tiền là 74.400.000 đồng kèm theo những giấy tờ do bà G đã ghi cho bà đã cung cấp cho Tòa án. Đối với “giấy mượn tiền Ny 17/4/2023” thì bà G viết sẵn nội dung đưa cho bà và yêu cầu bà viết lại tờ giấy mượn tiền có giống nội dung mà bà G đã viết. Do lúc đó bà G cùng chồng bà G đi cùng dân xã hội đen đến nhà gây áp lực nên do tâm lý lo sợ nên bà đã viết giấy mượn tiền Ny 17/4/2023 vay bà G số tiền là 253.800.000 đồng chứ thực tế bà không có vay số tiền này nên bà không đồng ý trả cho bà G số tiền vay là 245.800.000 đồng.

Vụ án được Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Kim N trả số tiền nợ là 245.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ny 17/4/2023 bà N đã nhận số tiền vay là 253.800.000 đồng theo giấy mượn tiền Ny 17/4/2023 do bà N viết, khoảng thời gian sau thì bà N có trả cho bà số tiền 8.000.000 đồng nên còn nợ lại số tiền là 245.800.000 đồng. Bà nhiều lần yêu cầu bà N trả nợ nhưng bà N không trả, bà có yêu cầu Nguyễn Đỗ Anh Kh là con ruột của bà N viết giấy để làm tin cho số tiền vay của bà N.

Bị đơn bà Đỗ Thị Kim N trình bày cho rằng vào năm 2019 bà có vay bà G hai dây tiền góp, mỗi dây là 5.000.000 đồng, cộng dồn thành số tiền là 10.000.000 đồng. Ny 18/4/2019 bà vay thêm số tiền 10.000.000 đồng, tổng cộng bà vay bà G số tiền là 20.000.000 đồng, mỗi tháng trả cho bà G số tiền lãi là 4.000.000 đồng. Vào khoảng năm 2019-2020 bà đã trả cho bà G số tiền là 74.400.000 đồng. Giấy mượn tiền Ny 17/4/2023 do bà G cùng nhiều người gây áp lực buộc bà viết chứ thực tế bà không có vay bà G số tiền 253.800.000 đồng nên không đồng ý trả nợ cho bà G. Bà G nhiều lần đi cùng nhiều người gây áp lực buộc bà trả nợ nhưng bà không có trình báo công an giải quyết.

Người làm chứng cháu Nguyễn Đỗ Anh Kh trình bày cho rằng do bà G đi cùng nhiều người đến này gây áp lực ép buộc viết giấy có nội dung: “Tên Nguyễn

Đỗ Anh Kh, hôm nay Ny rằm tháng 7 âm lịch mẹ tui tên Đỗ Thị Kim N có nợ của cô Nguyễn Thị Quỳnh G 253.800.000 đồng. Hôm nay Ny 14 tháng 7 âm lịch để trả 1 nửa số tiền nhưng gia chưa có tiền. Gia đình xin hẹn lại đến Ny 19 tháng 7 năm 2023 âm lịch để trả, Nguyễn Đỗ Anh Kh xin bảo lãnh cho mẹ”.

*Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ việc; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Bị đơn bà Đỗ Thị Kim N thừa nhận có viết giấy mượn tiền Ny 17/4/2023 nhưng theo bà N cho rằng bị ép buộc nhưng bà N không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà, đồng thời bà N cung cấp những tờ giấy bà N cho rằng do bà G viết có nội dung là bà có mượn tiền góp của bà G cùng số tiền lãi của số tiền góp và bà đã trả cho bà G số tiền là 74.400.000 đồng. Tuy nhiên bà G không thừa nhận nội dung trên và các tờ giấy bà N cung cấp không thể hiện nội dung là gì và không có chữ ký xác nhận của bà G, bà N nên lời trình bày của bà N là không có căn cứ. Theo nội dung “giấy mượn tiền Ny 17/4/2023” thể hiện bà N có vay của bà G số tiền là 253.800.000 đồng, vay không có lãi, cuối tháng sáu âm lịch năm 2023 sẽ thanh toán một nửa số tiền vay, số tiền còn lại sẽ thanh toán vào giữa tháng 10 âm lịch năm 2023, bà G xác nhận bà N đã trả số tiền 8.000.000 đồng nên có đủ cơ sở xác định bà N còn nợ bà G số tiền là 245.800.000 đồng, đến hạn trả nợ bà N không thanh toán cho bà G là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà G khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền vay là 245.800.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh G yêu cầu bị đơn bà Đỗ Thị Kim N trả số tiền nợ phát sinh từ giấy vay tiền nên xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn cư trú tại xã Long Thượng, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ các Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh G về việc yêu cầu bị đơn bà Đỗ Thị Kim N thanh toán số tiền vay là 245.800.000 đồng thấy rằng:

Căn cứ “Giấy mượn tiền Ny 17/4/2023” có nội dung: “*Hôm nay Ny 17 tháng 4 năm 2023. Tôi tên: Đỗ Thị Kim N, sinh năm 1973. Địa chỉ: 1285 xã Long Thượng, huyện C, tỉnh Long An. Tôi có mượn của bà Quỳnh Giao số tiền là 253.800 (Hai trăm năm mươi ba triệu tám trăm Nn đồng). Để làm vốn làm ăn. Tôi cam đoan số tiền trên hoàn toàn đúng sự thật. Đã nhận đủ số tiền trên một lần 253.800 (Hai trăm năm mươi ba triệu tám trăm Nn đồng). Hẹn đến cuối tháng 6 Âm lịch 2023 sẽ thanh toán một nửa, số còn lại sẽ gửi lại khoảng giữa tháng 10 Âm lịch. Nếu không trả tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật...*”.

Bị đơn bà Đỗ Thị Kim N xác định nội dung giấy viết tay mượn tiền trên do bà G gây áp lực ép buộc bà viết nhưng bà N không có chứng cứ chứng minh là bà G đã ép buộc bà viết. Bà N cung cấp những tờ giấy viết tay mà theo bà N cho rằng do bà G viết có nội dung là bà N có mượn tiền góp của bà G là 10.000.000 đồng, Ngày 18/4/2019 vay thêm số tiền là 10.000.000 đồng, tổng cộng bà vay bà G số tiền là 20.000.000 đồng, mỗi tháng đóng cho bà G 4.000.000 đồng tiền lãi và bà đã trả cho bà G số tiền là 74.400.000 đồng vào năm 2019-2020. Tuy nhiên bà G không thừa nhận các tờ giấy bà N cung cấp có nội dung do bà G viết. Căn cứ vào các tờ giấy viết tay nêu trên không thể hiện nội dung như lời trình bày của bà N và không có chữ ký xác nhận của bà G nên lời trình bày của bà N là không có cơ sở.

Căn cứ nội dung “giấy mượn tiền Ny 17/4/2023” thì có đủ cơ sở xác định bà N vay của bà G số tiền là 253.800.000 đồng, vay không có lãi, thỏa thuận thời hạn trả nợ là trả  $\frac{1}{2}$  số tiền vay vào cuối tháng 6 âm lịch năm 2023, số tiền còn lại thanh toán vào giữa tháng 10 âm lịch năm 2023. Bà G thừa nhận bà N đã trả số tiền là 8.000.000 đồng nên số tiền bà N còn nợ lại bà G là 245.800.000 đồng.

Đến hạn thanh toán, bà G nhiều lần đòi nợ nhưng bà N không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà G khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán số tiền còn nợ lại là 245.800.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh G khởi kiện có căn cứ chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tạm ứng án phí cho bà G.

Bị đơn bà Đỗ Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho bà G.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 1 Điều 5 và Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP Ny 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ný 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh G về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn bà Đỗ Thị Kim N.

Buộc bà Đỗ Thị Kim N phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Quỳnh G số tiền nợ là 245.800.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ Ný có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) bên có nghĩa vụ chưa thi hành xong số tiền trên thì còn phải trả cho bên được thi hành khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Quỳnh G số tiền tạm ứng án phí là 6.145.000 đồng do ông Phạm Thanh Tùng nộp thay tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu số 0011029 Ný 26/01/2024.

Bà Đỗ Thị Kim N phải chịu 12.290.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Đẹp**

